

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04/7/2018
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP. Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, TP. Hà Nội, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST – HNGĐ ngày 19/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1988 (Có mặt)

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, TP. H.

Bị đơn: Anh Hà Văn B, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Hiện đang thụ án tại phân trại 2, đội 22, trại giam số 5, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Tạ Thị H có quan điểm:

Chị và anh Hà Văn B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/02/2012 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh H. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu và được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng tại thôn P, xã T, huyện T, TP. H. Sau một thời gian chung sống, đến năm 2015 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống và cách suy nghĩ, sau đó anh B về Hải Dương sinh sống và vợ chồng chị ly thân từ năm 2015. Đến ngày 08/6/2015, anh B bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt tù chung thân về tội “Giết người” và hiện đang thụ án tại phân trại 2, đội 22, trại giam số 5, thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

* Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Hà Văn B có quan điểm:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị H khai là đúng. Lúc mới lấy nhau cuộc sống vợ chồng hoàn toàn hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Nay chị H có nguyện vọng xin ly hôn, anh B nhận thấy vợ chồng đã xa nhau quá lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên anh B nhất trí với quan điểm của chị H xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là cháu Hà Gia B (con trai) sinh ngày 26/7/2013. Hiện nay cháu B đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị H và anh B thống nhất giao cháu B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu B trưởng thành hoặc khi có thay đổi khác. Chị H không yêu cầu anh B việc đóng góp phí tổn nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con nuôi, con riêng: Chị H và anh B khai không có.

Hiện chị H không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Do anh B vắng mặt nên không bổ sung ý kiến nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Văn Bun đang chấp hành án và có lời khai xin xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 68, 203, 209, 220, 227, 249, 260, 262 Bộ luật tố Tụng dân sự. Căn cứ Điều 19, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị HĐXX

1. Chấp nhận cho chị Tạ Thị H và anh Hà Văn B được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Gia B (con trai) sinh ngày 26/7/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị Hiền không yêu cầu Tòa án phải giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: chị Tạ Thị H và anh Hà Văn B không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX nhận thấy:

* Về tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ hai anh Hà Văn B vắng mặt do đang thụ án tại Trại giam số 5. Do vậy, căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

* Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, TP. H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Hà Văn B là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2012 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh H nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị H, HĐXX nhận thấy: Sau khi kết hôn, chị H và anh B đã có một thời gian chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có 01 con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, tình cảm không thể hàn gắn được. Hiện nay anh B thi hành án tại trại giam số 5 thuộc tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của chị H và anh B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận nguyện vọng ly hôn của chị H và anh B.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là cháu Hà Gia B (con trai) sinh ngày 26/7/2013. Hiện nay cháu B đang do chị H nuôi dưỡng chăm sóc.

Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị H, HĐXX thấy: Nguyện vọng nuôi con chung của chị H là chính đáng, xét điều kiện mọi mặt về việc chăm sóc và nuôi dạy con chung thấy hiện nay anh B đang thụ án tại Trại giam số 5, do đó không có điều kiện nuôi con chung. Hơn nữa anh B cũng đồng thuận và nhất trí việc giao cháu B cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục như vậy sẽ đảm bảo cho cháu có cuộc sống và học tập ổn định. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của chị H.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Việc cấp dưỡng nuôi con chung của người không trực tiếp nuôi con cũng là sự thể hiện trách nhiệm của người làm cha, mẹ đối với con chung. Tuy nhiên tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị H đều khẳng định không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về con nuôi, con riêng: vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Hà Văn B.

2. Về con chung: Giao chị Tạ Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hà Gia B (con trai) sinh ngày 26/7/2013 cho đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi, lao động tự lập được hoặc khi có thay đổi khác. Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Chị H và anh B cùng thống nhất khai không có.

Hiện chị H không có thai nghén gì.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh B thống nhất không có tài sản chung, công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị H được đối trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2015/0006817 ngày 15/5/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, TP. H.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Mai